TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 11 - 2021
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Trần Thị Lan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Mỹ Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HN ngày 29 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HN ngày 17 tháng 8 năm 2021 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Trung T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp T2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Văn T2, sinh năm 1994, địa chỉ: 1301 Santa Rosa Drive # 101 Kissimmee, FI 34741, Hoa Kỳ,

Nơi cư trú: 13028 San Antonio Woods Lane Orlando FL 32824, Hoa Kỳ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn ông Trần Trung T trình bày:

Ông Trần Trung T và bà Văn T2 quen biết nhau tìm hiểu tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết số 62 ngày 20-10-2016. Sau khi kết hôn bà Văn T2 trở về Mỹ sinh sống cho đến nay không trở về Việt Nam, tình cảm vợ chồng không còn, ông Tuấn yêu cầu ly hôn với bà Văn T2.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Văn T2 đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Ngày 18/6/2021 Bộ tư pháp có văn bản số 1742/BTP-PLQT về việc kết quả ủy thác của Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ không thực hiện được việc ủy thác.

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do ông Tuấn xin vắng mặt và bà Văn T2 vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn, bà Văn T2 quốc tịch Hoa Kỳ, cư trú tại: 13028 San Antonio Woods Lane Orlando FL 32824, Hoa Kỳ. Nguyên đơn cư trú tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Trần Trung T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, bà Văn T2 có địa chỉ tại Hoa Kỷ nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ không thực hiện được việc ủy thác tống đạt hồ sơ trực tiếp (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Tổng Lãnh sự quán Việt nam tại San Francisco, Hoa Kỳ đề nghị thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 26-10-2021, đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của bà Văn T2 về vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Trung T và bà Văn T2 có quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận kết số 60 ngày 20-10-2016 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của nguyên đơn, sau khi kết hôn bà Văn T2 trở về Mỹ sinh sống đến nay, không trở về Việt Nam. Từ đó, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Xét thấy trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T2, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, việc ông T yêu cầu ly hôn với bà Văn T2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên được chấp nhận. Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 20-10-2016 của Ủy ban nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Căn cứ khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng và chi phí tố tụng là 2.965.760 (đã nộp xong)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung T.

1. Ông Trần Trung T được ly hôn với bà Văn T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 20-10-2016 của Ủy ban nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Trung T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009465 ngày 15-3-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng:

Ông Trần Trung T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 2.965.760 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.020.000 đồng (ba triệu không trăm hai mười ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007475 ngày 19-3-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông T được nhận lại 54.240 đồng (năm mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

Ông Trần Trung T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu

tiền số 0007436 ngày 19-3-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông T đã nộp đủ lệ phí uỷ thác tư pháp.

Thời hạn kháng cáo của ông Trần Trung T là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Thời hạn kháng cáo của bà Văn T2 là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân huyện Chợ Mới;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GĐ và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm